

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30/01/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hoa và bà Nguyễn Thị Quyên.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Trần Duy Thường - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên toà:** Bà Lê Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang chấp hành án tại đội 25, phân trại số 1, Trại giam Đ; địa chỉ: Bon B'Srê, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Chị H và anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của chị Trần Thị H lưu trong hồ sơ vụ án với nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Ninh Bình) ngày 05/01/2010. Sau khi kết hôn, chị H về chung sống cùng gia đình chồng tại thôn B, xã N, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 9 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, quan điểm trong việc tập trung làm ăn kinh tế xây dựng gia đình. Khi vợ chồng đang làm ăn cùng nhau thì anh T đi vào miền N làm ăn, mặc dù chị H không đồng ý. Anh T đi miền N được gần 03 tháng thì về

và nói với chị H việc anh vi phạm pháp luật rồi đến Công an huyện L, tỉnh Hà Nam đầu thú. Ngày 22/7/2016, anh T bị Tòa án nhân dân tỉnh L xử phạt 22 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Từ khi anh T đi chấp hành án phạt tù đến nay, chị H vào thăm anh T được 02 lần. Đầu tháng 7/2025, chị H đã nói chuyện với anh T về việc ly hôn nhưng anh T không đồng ý sau đó anh T có gọi điện thoại về nói với chị H là đồng ý ly hôn, đồng ý để chị được tiếp tục nuôi con chung. Nay chị Huệ xác định, anh T đi thi hành án phạt tù đã lâu nên vợ chồng không còn tình cảm, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Trần Hà A, sinh ngày 10/8/2012. Hiện nay cháu Hà A đang ở với chị H. Chị H đề nghị xin được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hà A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/12/2025, anh Trần Văn T trình bày: Anh T và chị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam vào tháng 1 năm 2010. Do anh vi phạm pháp luật năm 2015 nên phải đi chấp hành án phạt tù lâu năm, anh T đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Hà A, sinh ngày 10/8/2012. Anh T đồng ý để chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hà A.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác vợ chồng anh không có.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 21/11/2025, cháu Trần Hà A trình bày: Cháu đang học lớp 8A1 Trường Trung học cơ sở N, xã N, tỉnh Ninh Bình. Bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được tiếp tục ở với mẹ.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hòa giải được vì anh T vắng mặt.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình có quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn T là hợp pháp, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, anh T phải đi chấp hành án phạt tù nhiều năm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Huệ và anh Trần Văn T; đề nghị giao cháu Trần Hà A cho chị Trần Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H; các vấn đề khác chị H và anh T không yêu cầu nên không phải giải quyết. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H và anh Trần Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh T vi phạm pháp luật đã bị Tòa án nhân dân tỉnh L xử phạt 22 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Hiện nay anh T đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đắk Plao - Cục C10 - Bộ Công an. Từ năm 2015 đến nay, anh T chấp hành án phạt tù tại trại giam, chị H đi thăm anh T được 02 lần nhưng chỉ để nói chuyện về việc ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nay chị H yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý nên Hội đồng xét xử xử công nhận thuận tình ly hôn cho chị H và anh T là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Trần Hà A, sinh ngày 10/8/2012. Hiện nay cháu A đang do chị Huệ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T đang phải chấp hành án phạt tù không có điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và đồng ý giao cháu Trần Hà A cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét nguyện vọng của chị H và anh T là chính đáng. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu A ở với chị H, cháu khỏe mạnh, phát triển tốt và có cuộc sống ổn định; cháu A có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với mẹ. Anh T đồng ý giao cháu A cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, nguyện vọng của chị H, anh T được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu A cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu A đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hà A, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2012 cho chị Trần Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Trần Hà A đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T mỗi người phải chịu 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002755 ngày 10 tháng 7 năm 2025 được đối trừ khi thi hành án, chị H được hoàn lại số tiền 225.000 (Hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hân